

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ DU LỊCH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2015/TT-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2015

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Thông tư này quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ* là việc các cơ quan, đơn vị đề xuất ý tưởng nghiên cứu khoa học và công nghệ theo hướng dẫn của Bộ.
- Xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ* là việc xem xét, lựa chọn các đề xuất ý tưởng nghiên cứu khoa học và công nghệ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đặt hàng, giao trực tiếp.
- Tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ* là việc xem xét, đánh giá các hồ sơ tham gia đăng ký tuyển chọn để xác định chức năng, cá nhân có năng lực và kinh nghiệm phù hợp nhất để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đặt hàng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ* là việc chỉ định tổ chức, cá nhân có đủ năng lực, điều kiện và nhân lực phù hợp để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Thẩm định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ* là việc xem xét, kiểm tra đánh giá nội dung nghiên cứu khoa học phù hợp với của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp và kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước khi quyết định đưa vào thực hiện.

Điều 3. Yêu cầu đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước

1. Chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ

- Có mục tiêu tạo ra kết quả khoa học và công nghệ phục vụ các định hướng ưu tiên phát triển thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về: phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trong một hoặc một số lĩnh vực; phát triển hướng công nghệ ưu tiên; và

các sản phẩm trọng điểm, chủ lực; kết quả của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải thể hiện tính mới, tính tiên tiến, có khả năng ứng dụng cao và đáp ứng được các mục tiêu của chương trình;

b) Có nội dung bao gồm các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với nhau về chuyên môn;

c) Thời gian thực hiện không quá 10 năm, tính từ thời điểm phê duyệt, trong đó thời gian thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải phù hợp với từng loại nhiệm vụ.

2. Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ

a) Đối với đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ: công nghệ hoặc sản phẩm khoa học công nghệ dự kiến phải có địa điểm ứng dụng cụ thể hoặc có khả năng thương mại hóa; có tối thiểu 01 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước;

b) Đối với đề tài trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: kết quả tạo ra được luận cứ khoa học, giải pháp kịp thời để giải quyết đề thực tiễn trong hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước; có tối thiểu 01 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước;

c) Thời gian thực hiện không quá 36 tháng tính từ ngày ký hợp đồng khoa học và phát triển công nghệ.

3. Đề án khoa học cấp Bộ

a) Xây dựng đề án phải căn cứ vào các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt;

b) Kết quả nghiên cứu của đề án là những đề xuất hoặc dự thảo cơ chế, chính sách, quy trình, quy phạm, văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu luận cứ khoa học và thực tiễn;

c) Thời gian thực hiện không quá 24 tháng tính từ ngày ký hợp đồng khoa học và phát triển công nghệ.

4. Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ

a) Tổ chức chủ trì dự án phải cam kết khả năng huy động nguồn kinh phí tự có hoặc thông qua sự hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước;

b) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ thử nghiệm là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được Hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị triển khai áp dụng hoặc là kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích;

c) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ dự kiến bảo đảm tính ổn định ở quy mô sản xuất nhỏ và có tính khả thi trong ứng dụng hoặc phát triển ở quy mô sản xuất hàng loạt;

d) Thời gian thực hiện không quá 36 tháng tính từ ngày ký hợp đồng khoa học và phát triển công nghệ.

5. Dự án khoa học và công nghệ cấp Bộ

a) Giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp dự án đầu tư sản xuất sản phẩm ưu tiên, mũi nhọn được Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt;

b) Kết quả tạo ra bảo đảm được áp dụng và nâng cao hiệu quả kinh tế của dự án đầu tư sản xuất; có ý nghĩa đối với phát triển khoa học và công nghệ của các ngành, lĩnh vực do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý;

c) Có phương án huy động các nguồn tài chính ngoài ngân sách và được các tổ chức tài chính, tín dụng, quỹ xác nhận tài trợ hoặc bảo lãnh;

d) Có tiến độ phù hợp với tiến độ dự án đầu tư sản xuất;

đ) Thời gian thực hiện không quá 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng khoa học và phát triển công nghệ.

6. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng cấp Bộ

a) Có khả năng tạo ra những hướng nghiên cứu mới hoặc có khả năng tạo sản phẩm mới;

b) Thời gian thực hiện không quá 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng khoa học và phát triển công nghệ.

7. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

a) Giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp hoạt động của cơ quan, đơn vị;

b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở khi đề nghị hỗ trợ phải được Hội đồng khoa học của các cơ quan, đơn vị (nếu có) thẩm định, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ cấp cơ sở được hỗ trợ kinh phí thực hiện chịu trách nhiệm trong việc đề xuất, phê duyệt, đánh giá nghiệm thu; trong quá trình thực hiện tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm phải thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo kết quả với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch khi được yêu cầu;

c) Thời gian thực hiện nhiệm vụ cấp cơ sở được hỗ trợ kinh phí không quá 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng khoa học và phát triển nghệ thuật.

Điều 4. Trình tự thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

1. Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
2. Xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
3. Tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
4. Thẩm định nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
5. Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đưa vào thực hiện.
6. Ký hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.
7. Kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
8. Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
9. Đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
10. Đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin; chuyển giao, ứng dụng kết quả nghiên cứu trong thực tiễn.

Điều 5. Quản lý Chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ

1. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định thành lập Ban chủ nhiệm Chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ (sau đây là Chương trình) trên cơ sở đề xuất của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường. Ban chủ nhiệm Chương trình có nhiệm vụ giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, quản lý việc thực hiện Chương trình.
2. Trách nhiệm, quyền hạn của Ban chủ nhiệm Chương trình:
 - a) Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc thực hiện các mục tiêu, nội dung, kết quả sản phẩm của Chương trình đã được phê duyệt;
 - b) Hướng dẫn xây dựng, ký duyệt Thuyết minh các đề tài, dự án thuộc Chương trình đã được Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt, tổ chức ký hợp đồng thực hiện đề tài, dự án thuộc Chương trình;
 - c) Xây dựng và ban hành quy chế hoạt động của Ban chủ nhiệm Chương trình trong quá trình thực hiện;
 - d) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức quản lý các đề tài, dự án thuộc Chương trình theo quy định tại Thông tư này và quy định hiện hành; kiến nghị, đề xuất nội dung điều chỉnh, bổ sung hàng năm của Chương trình.

Chương II

ĐỀ XUẤT, XÁC ĐỊNH DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ ĐẶT HÀNG, GIAO TRỰC TIẾP

Điều 6. Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Trình tự thực hiện:
 - a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thông báo, hướng dẫn việc đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
 - b) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 (PL1-PĐXNV) về Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.Đối với các tổ chức, cá nhân trực thuộc các Tổng cục gửi đề xuất về Văn phòng Tổng cục để tổng hợp thành danh mục gửi về Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

Trường hợp đề xuất từ 02 nhiệm vụ trở lên phải sắp xếp theo thứ tự ưu tiên về tính cấp thiết và khả thi của nhiệm vụ;

 - c) Các tổ chức khoa học và công nghệ, các cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ không thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 (PL1-PĐXNV) thông qua các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
 - d) Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tổng hợp danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các tổ chức, cá nhân đề xuất;
 - đ) Trình Bộ trưởng xem xét phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đưa vào tuyển chọn đặt hàng, giao trực tiếp.
2. Căn cứ đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ:
 - a) Chiến lược, chương trình, kế hoạch hành động của các lĩnh vực văn hoá, thể thao, du lịch và gia đình do Đảng, Nhà nước và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt;

- b) Hướng dẫn xây dựng nhiệm vụ khoa học và công nghệ hàng năm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- c) Theo đặt hàng, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- d) Các vấn đề cấp thiết tại cơ quan, đơn vị;
- đ) Khả năng sử dụng sản phẩm nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong thực tiễn;
- e) Các yêu cầu khác có liên quan.

3. Tiêu chí xác định Chương trình, đề tài, dự án:

- a) Được đề xuất trên cơ sở các căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều này;
- b) Ý nghĩa khoa học: Có tính mới, sáng tạo về khoa học và công nghệ;
- c) Ý nghĩa thực tiễn: Trực tiếp hoặc góp phần giải quyết những vấn đề cấp bách về lý luận và thực tiễn; đáp ứng nhu cầu phát triển văn hoá, thể thao, du lịch và gia đình;
- d) Tính khả thi: Phù hợp với năng lực khoa học và công nghệ hiện có của ngành, của đất nước về trình độ cán bộ khoa học và công nghệ, trang thiết bị, nhà xưởng và thời gian thực hiện; có khả năng huy động nguồn lực trong nước và nước ngoài để đáp ứng nhu cầu tài trợ; có địa chỉ và khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu.

4. Tiêu chí xác định dự án sản xuất thử nghiệm:

- a) Đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 3 Điều này.
- b) Yêu cầu về công nghệ: Thể hiện sự ổn định và tin cậy của công nghệ, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, tính hiệu quả kinh tế; có khả năng công nghệ nhập khẩu từ nước ngoài; bảo đảm chỉ tiêu về an toàn sức khỏe và môi trường; thể hiện được tính mới, tính tiên tiến so với công nghệ đang có trong ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch; có tác động nâng cao trình độ công nghệ của ngành, lĩnh vực sản xuất sản phẩm văn hóa, thể thao và du lịch khi được ứng dụng rộng rãi;
- b) Khả năng về thị trường: Các ngành kinh tế - xã hội thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có nhu cầu đối với sản phẩm dự án; sản phẩm của dự án có khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá cả với sản phẩm cùng loại trên thị trường, thay thế sản phẩm nhập khẩu từ nước ngoài; sản phẩm của dự án có khả năng xuất khẩu;
- c) Hiệu quả kinh tế - xã hội: Sản phẩm của dự án có tác động tích cực đến sự phát triển văn hóa, thể thao và du lịch, tạo ngành mới, tạo thêm việc làm và thu nhập cho cộng đồng;
- d) Tính khả thi: Phù hợp với năng lực khoa học và công nghệ của các tổ chức chủ trì dự án và trong nước về trình độ cán bộ khoa học và công nghệ, trang thiết bị, nhà xưởng, thời gian thực hiện; có khả năng huy động nguồn lực từ các nguồn khác nhau đáp ứng nhu cầu thực hiện dự án; có khả năng liên kết với cơ sở sản xuất, tổ chức khoa học và công nghệ khác để thực hiện dự án; có thị trường tiêu thụ (có phương án liên kết tiêu thụ, chuyển giao, hoặc thương mại hóa các sản phẩm của dự án).

Điều 7. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định thành lập Hội đồng tư vấn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ (sau đây gọi là Hội đồng).

2. Thành phần Hội đồng:

- a) Có 07 thành viên gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên;
- b) Thành viên Hội đồng là đại diện cơ quan quản lý, các nhà khoa học có năng lực và chuyên môn phù hợp với lĩnh vực tư vấn;
- c) Thư ký hành chính giúp việc cho Hội đồng là 02 cán bộ, công chức của Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

3. Trách nhiệm của Hội đồng:

- a) Hội đồng có nhiệm vụ tư vấn, xác định danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, bao gồm: tên, mục tiêu, nội dung, sản phẩm, tiến độ và phương thức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp);
- b) Thực hiện các quy định tại các Khoản 5 và Khoản 6 Điều này.

4. Tài liệu họp Hội đồng được Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường gửi cho các thành viên Hội đồng ít nhất 03 ngày làm việc trước khi họp, bao gồm:

- a) Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 (PL1-PĐXNV);
- b) Công văn đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

c) Kết quả tra cứu thông tin về các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có liên quan (Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chịu trách nhiệm tra cứu thông tin);

d) Bản cam kết của đơn vị ứng dụng kết quả nghiên cứu.

5. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng:

a) Theo nguyên tắc dân chủ, các thành viên Hội đồng thảo luận công khai về nhiệm vụ được giao tư vấn đồng thời chịu trách nhiệm tư vấn của mình;

b) Phiên họp Hội đồng có mặt ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng;

c) Chủ tịch Hội đồng chủ trì các phiên họp; trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt, Phó Chủ tịch Hội đồng là người chủ trì phiên họp;

d) Các thành viên Hội đồng nhận xét, đánh giá đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo mẫu quy định tại Phụ lục 2a (PL2a-TĐG) và gửi về Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ít nhất 01 ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng;

đ) Các ý kiến khác nhau của thành viên Hội đồng được thư ký khoa học tổng hợp để Hội đồng thảo luận và biểu quyết thông qua bằng đa số thành viên Hội đồng có mặt nhất trí. Thành viên Hội đồng có thể yêu cầu bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến đó khác với ý kiến kết luận của Hội đồng. Thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của Hội đồng.

e) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ được đưa vào danh mục đề xuất đặt hàng, giao trực tiếp phải được 3/4 số thành viên Hội đồng kiến nghị “thực hiện”;

g) Đại diện các cơ quan, đơn vị đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ có thể được mời tham dự phiên họp của Hội đồng;

6. Trình tự, thủ tục làm việc của Hội đồng:

a) Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập Hội đồng;

b) Chủ tịch Hội đồng điều hành phiên họp; Hội đồng bầu thư ký khoa học;

c) Các thành viên Hội đồng thảo luận về từng nhiệm vụ đề xuất theo các tiêu chí quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 6 Thông tư này;

d) Các thành viên Hội đồng đánh giá các đề xuất và bỏ Phiếu đánh giá đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo mẫu quy định tại Phụ lục 2b (PL2b-PĐG);

đ) Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu gồm 03 người là thành viên của Hội đồng, giúp Hội đồng tổng hợp kết quả kiểm phiếu theo mẫu quy định tại Phụ lục 2c (PL2c-BBKP);

e) Đối với các nhiệm vụ được đề xuất “thực hiện”, Hội đồng thảo luận cụ thể để thống nhất về tên nhiệm vụ, mục tiêu, sản phẩm, phương thức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp); sắp xếp theo thứ tự ưu tiên;

g) Đối với các nhiệm vụ đề nghị “không thực hiện”, Hội đồng thảo luận cụ thể để thống nhất về lý do không thực hiện;

h) Kết quả đánh giá, tư vấn xác định nhiệm vụ được ghi vào biên bản họp Hội đồng theo mẫu quy định tại Phụ lục 2d (PL2d-BBHD).

Điều 8. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng, giao trực tiếp

1. Căn cứ kết quả tư vấn của Hội đồng, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tổng hợp danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ để trình Bộ đặt hàng, giao trực tiếp trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, phê duyệt. Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có thể lấy ý kiến chuyên gia độc lập trước khi quyết định.

2. Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng, giao trực tiếp được Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường có trách nhiệm thông báo công khai danh mục này trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trang tin điện tử <http://khcnmt-bvhttdl.vn> và gửi cho các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 9. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ đột xuất do Đảng, Nhà nước, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao

1. Khi phát sinh nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất do Đảng, Nhà nước hoặc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tham mưu trình Bộ trưởng giao tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm xây dựng hồ sơ thuyết minh khoa học và công nghệ để trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định thực hiện theo phương thức nào (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp).

2. Trình tự thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ đột xuất theo quy định của Thông tư này.

Chương III